

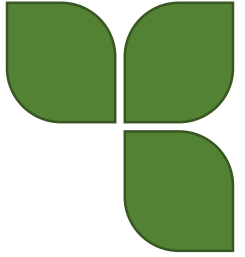


CPTPP và Ngành Thủy sản – Trái cây, rau củ Chăn nuôi, chế biến thịt Việt Nam



TS. Nguyễn Thị Thu Trang
Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam





Các nội dung chính



CPTPP trong tiến trình hội nhập FTA của Việt Nam

Cam kết CPTPP

- Thuế quan
- Cam kết khác

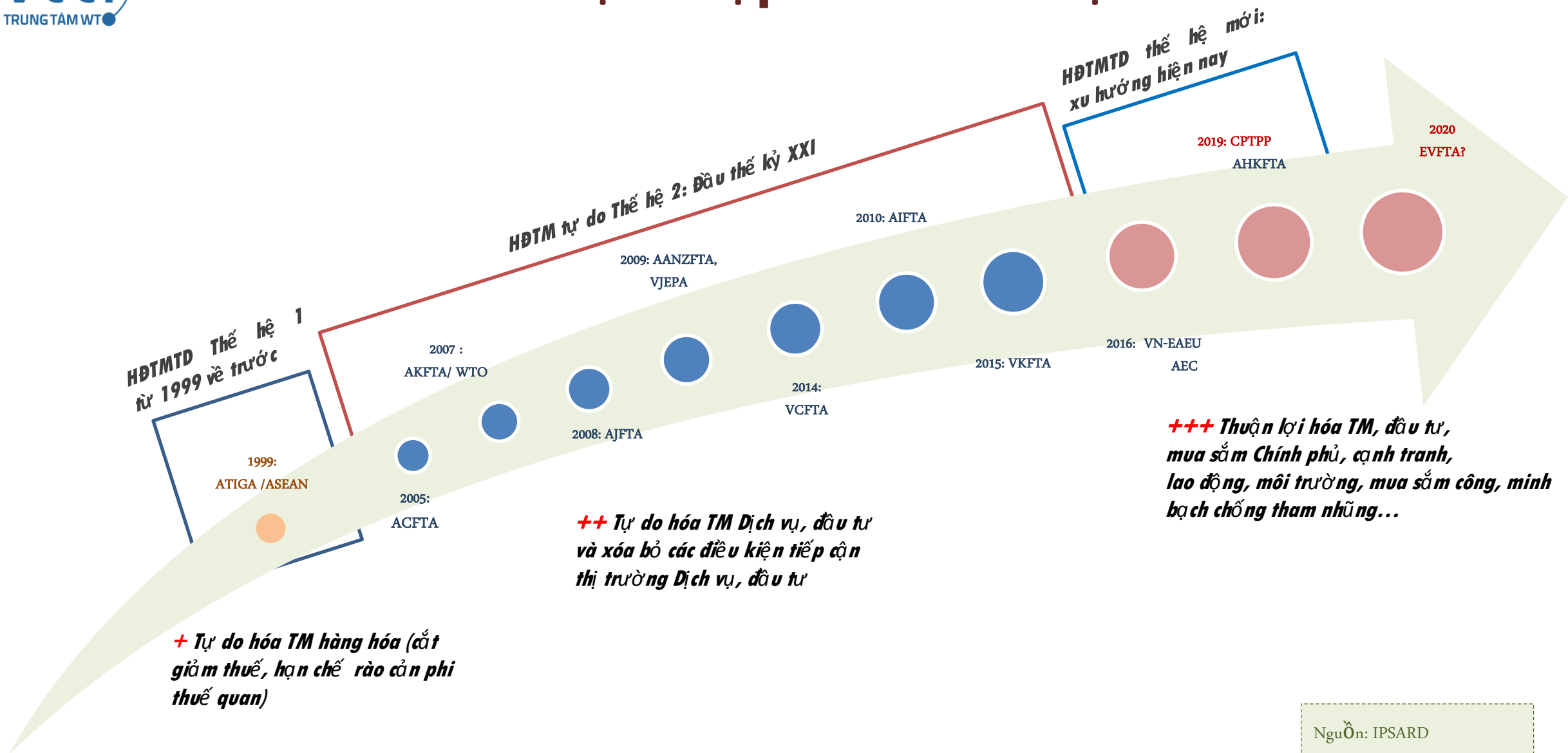


Tác động dự kiến từ CPTPP

CPTPP trong tiến trình hội nhập FTA



Tiến trình hội nhập FTA của Việt Nam



CPTPP trong tiến trình hội nhập qua các FTA của Việt Nam

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTA đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi-lê, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực từ 2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực			
13	EVFTA	Ký ngày 30/6/2019	Việt Nam, Liên minh châu Âu (28 thành viên)
FTA đang đàm phán			
14	RCEP	Khởi động đàm phán tháng 3/2013	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand
15	Vietnam – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, Khối EFTA (Thụy Sĩ, Na-uy, Iceland, Liechtenstein)
16	Vietnam – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Cấu trúc CPTPP

00 Lời mở đầu

01 Các điều khoản và định nghĩa chung

02 Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường

03 Quy tắc xuất xứ

04 Dệt may

05 Hải quan và tạo thuận lợi thương mại

06 Phòng vệ Thương mại

07 Vệ sinh dịch tễ

08 Rào cản kỹ thuật đối với thương mại

09 Đầu tư

10 Dịch vụ Xuyên biên giới

11 Dịch vụ tài chính

12 Nhập cảnh tạm thời

13 Viễn thông

14 Thương mại điện tử

15 Mua sắm chính phủ

16 Chính sách cạnh tranh

17 Doanh nghiệp nhà nước

18 Sở hữu trí tuệ

19 Lao động

20 Môi trường

21 Hợp tác và Nâng cao năng lực

22 Cạnh tranh và Thuận lợi hóa kinh doanh

23 Phát triển

24 DN vừa và nhỏ

25 Hòa giải pháp luật

26 Minh bạch hóa và chống tham nhũng

27 Hành chính và thể chế

28 Giải quyết tranh chấp

29 Các ngoại lệ và điều khoản chung

30 Các điều khoản cuối cùng

Và các Phụ lục, Thư song phương



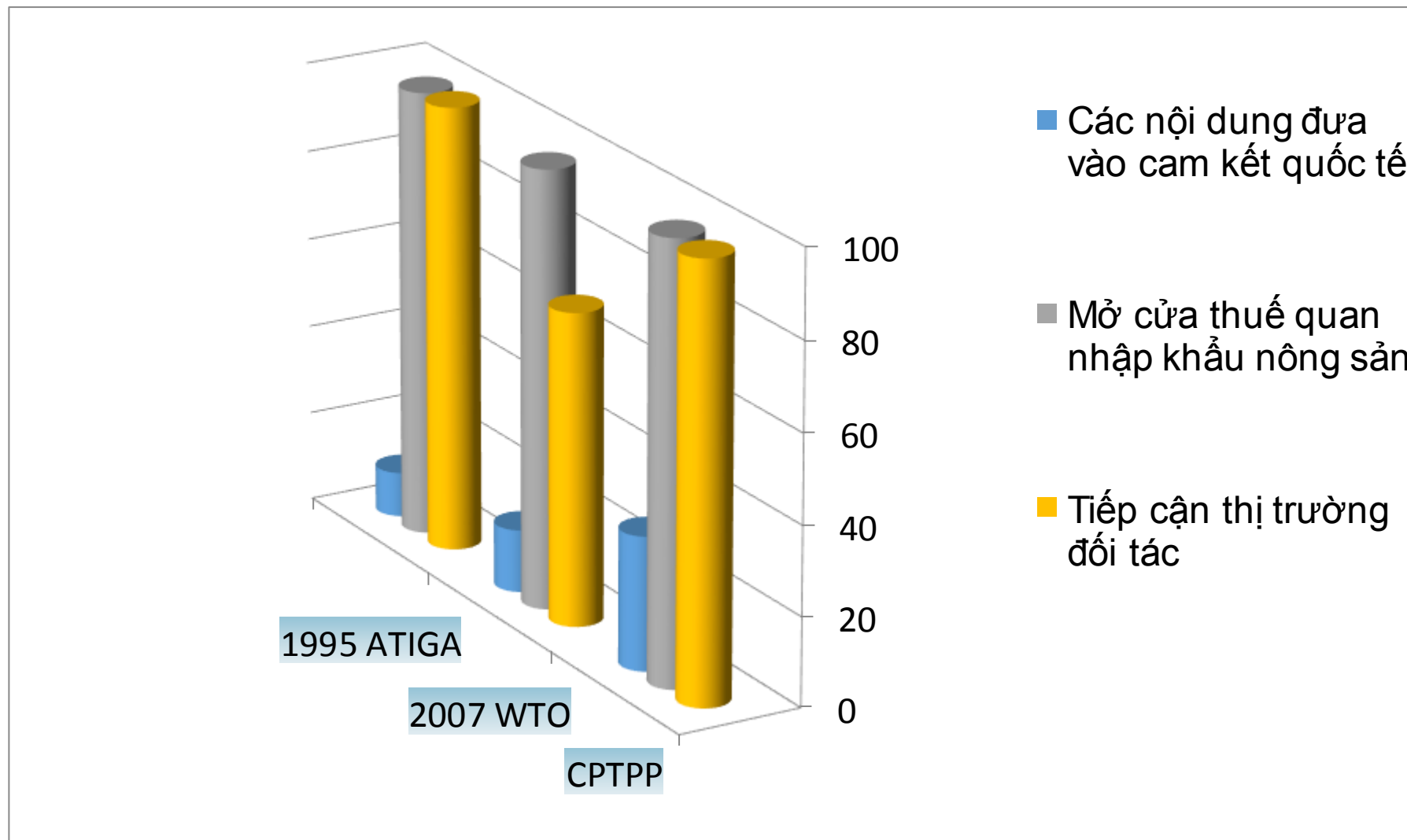
**Cam kết CPTPP liên quan tới
03 ngành nông nghiệp**

Các cam kết thuế quan



CPTPP trong tương quan với WTO, FTA khác

Nguồn: Vụ HTQT, Bộ NNPTNT





Các nhóm cam kết thuế quan

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	Phần lớn các dòng thuế	Phần lớn các dòng thuế	Phần lớn dòng thuế động vật sống Một số dòng thuế thịt, chế phẩm từ thịt
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Một số ít dòng thuế	Một số ít dòng thuế	Phần lớn dòng thuế thịt, chế phẩm từ thịt
Hạn ngạch và các hình thức khác (bao gồm cả không cam kết)	Không có	Chỉ Nhật Bản: Không cam kết với một số rau quả	Một số ít dòng thuế thịt, chế phẩm từ thịt

Cam kết thuế quan của Australia – New Zealand



Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	Tất cả các dòng thuế thủy sản AANZFTA: Tất cả	Tất cả các dòng thuế trái cây – rau củ	Tất cả các dòng thuế động vật sống và sản phẩm thịt trừ 01 dòng NZ AANZFTA: Tất cả
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Không	Không	NZ: HS.0203.29.00 (thịt lợn đông lạnh) lộ trình 02 năm
Hạn ngạch và các hình thức khác (bao gồm cả không cam kết)	Không	Không	Không



Cam kết thuế quan của Canada

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	Tất cả các dòng thuế thủy sản	Tất cả các dòng thuế trái cây – rau củ	Phần lớn động vật sống
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Không	Không	Lộ trình 6-11 năm với - Gà để nhân giống - Thịt trâu bò tươi, đông lạnh, lạnh - Thịt đã qua chế biến...
Hạn ngạch và các hình thức khác (bao gồm cả không cam kết)	Không	Không	- Gà con - Thịt gà, gà tây, chế phẩm từ chúng...
So sánh MFN	- 0,39% rau tươi và sơ chế Chương 07 - 0,82% quả tươi và sơ chế Chương 08 - 2,59% rau quả đã qua chế biến Chương 20	- 0,65% thủy sản Chương 3 - 4,28% đối với chế phẩm thủy sản mã HS 16.04, 16.05	- 1.55% với động vật sống - 13.04% thịt tươi và chế biến (xúc xích 36,91%)



Cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia, Singapore

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	Tất cả ATIGA: Tất cả	Tất cả ATIGA: Tất cả	Tất cả trừ 06 dòng Malaysia ATIGA: Tất cả
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Không	Không	06 dòng thịt lợn, thịt gà tươi, đông lạnh
Hạn ngạch và các hình thức khác (bao gồm cả không cam kết)	Không	Không	Không



Cam kết thuế quan của Chi-lê

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	Tất cả VCFTA: Tất cả	Tất cả VCFTA: Tất cả	Tất cả VCFTA: Tất cả
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Không	Không	Không
Hạn ngạch và các hình thức khác (bao gồm cả không cam kết)	Không	Không	Không



Cam kết thuế quan của Mexico

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	41% số dòng thuế	Phần lớn số dòng thuế	Phần lớn số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	- 3 năm với rô phi, cá tuyết, minh, bơn, trích, ngừ... - 5 năm với cá hồi vân, rô phi, chép, da trơn, song, Minh Thái, tuyết xanh, đuối, cua... - Lộ trình 10, 12, 13, 15, 16 năm	5-10 năm với: - Hành tây, măng tây, khoai tây, ớt, tỏi... - Chuối, dưa ổi, xoài, cam, bưởi, nho, dưa hấu, đu đủ, đào... - Rau quả đã qua chế biến (như khoai tây, cà chua, một số rau đông lạnh, nước dứa...)	- 5 năm với thịt gà tây tươi, ướp lạnh - 10 năm với thịt trâu bò tươi, ướp lạnh, đông lạnh - 15 năm với phụ phẩm trâu bò đông lạnh
So sánh MFN	- 13,51% với thủy sản tươi Chương 3 - 18% với chế phẩm thủy sản có mã HS. 16.04, 16.05	- 13.86% với rau tươi và sơ chế Chương 07 - 18,8% với quả tươi và sơ chế Chương 08 - 20% rau quả đã qua chế biến Chương 20	- 10,12% với động vật sống - 27,1% với sản phẩm thịt Chương 02 - 19,38% với chế phẩm thịt mã HS 16.01, 16.02



Cam kết thuế quan của Peru

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	Tất cả	Phần lớn số dòng thuế	- Toàn bộ động vật sống - Một số sản phẩm thịt
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Không	6-11 năm với: - Hành họ, măng tây, một số loại đậu - Cam, quýt, chanh, táo, dâu tây) - Rau quả đã qua chế biến (khoai tây, đậu chế biến, nước cam, chanh...)	- 6 năm với thịt lợn... - 11 năm với thịt trâu bò tươi, ướp lạnh, đông lạnh... - 13 năm với một số thịt gà... - 16 năm với một số thịt gà, chế phẩm thịt lợn, trâu bò...
So sánh MFN 	- 0,12% đối với thủy sản Chương 3 - 0% đối với chế phẩm thủy sản có mã HS. 16.04, 16.05	- 2,74% với rau Chương 07 - 5,91% với quả Chương 08 - 5,76% với rau quả chế biến Chương 20	- 0,38% với động vật sống - 6% với thịt Chương 2 - 6,56% với HS 16.01, 16.02



Cam kết thuế quan của Nhật Bản

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	65% dòng thuế	Phần lớn các dòng thuế	1/3 số dòng
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 6-16 năm: 8 năm với cá ngừ vây vàng, cá ngừ mắt to, một số loại cá ngừ khác 16 năm với cá nishin, saba, cơm, thu, Minh Thái, nục 6 năm với 44 dòng 11 năm với 105 dòng Kết thúc lộ trình muộn hơn VJEPA	4 - 15 năm với: - Hành tây, nấm hương, ngô ngọt, khoai tây... - Chuối, cam quýt, dứa... - Phần lớn rau quả chế biến (nước ép dứa, cà chua, táo, cam...) Kết thúc lộ trình sớm hơn VJEPA 02 năm	Lộ trình 2-11 năm với 2/3 số dòng Mỗi lộ trình có thể có nhiều phương thức cắt giảm thuế cụ thể Kết thúc lộ trình muộn hơn VJEPA
Hạn ngạch và các hình thức khác (bao gồm cả không cam kết)	Không VJEPA có một số dòng không cam kết xóa bỏ	- Hạn ngạch với đậu Hà lan, đậu và rau họ đậu chế biến - Không cam kết thuế với một số sản phẩm đậu, sốt cà chua, dứa chế biến Danh mục sản phẩm ít hơn VJEPA	Biện pháp tự vệ đặc biệt đối với một số mặt hàng thịt lợn, thịt bò VJEPA có một số dòng không cam kết xóa bỏ



Cam kết thuế quan của Việt Nam

Nhóm cam kết	Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Chăn nuôi, chế biến thịt
Xóa bỏ thuế quan ngay	83% số dòng thuế	11% số dòng thuế	Tất cả động vật sống
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 4-11 năm: - Đa số lộ trình 4 năm - 8 năm với cua chế biến, cá hồi, cá nục hoa chế biến... - 11 năm với cá trích dầu bảo quản	Lộ trình 3-11 năm: - Phổ biến là 3-6 năm - Một số ít là 11 năm (rau quả chế biến)	Tất cả thịt Chương 2 và 16.01, 16.02 - 3 năm với thịt trâu bò - 5 năm với phụ phẩm sau giết mổ - 8 năm với thịt lợn đông lạnh; thịt lợn-trâu bò-phụ phẩm muối, ngâm muối, hun khói; bột thịt.. - 11-13 năm với thịt gà tùy loại, phụ phẩm từ thịt gà...
Hạn ngạch hoặc hình thức khác	Không	Không	Không

Thuế quan với động vật sống, thịt của Việt Nam trong các FTA, và thuế MFN Việt Nam đang áp dụng

Nhóm sản phẩm	FTA	MFN
Trâu bò, lợn, gà sống	- AANZFTA: Xóa bỏ thuế ngay với tất cả - ATIGA: xóa bỏ thuế ngay với tất cả trừ 06 dòng sản phẩm gia cầm giữ nguyên mức MFN; - VJEPA, VCFTA: xóa bỏ thuế đối với phân nửa dòng sản phẩm, đối với số còn lại xóa bỏ theo lộ trình 7 năm (VCFTA) và 10 năm (VJEPA)	4.17%
Thịt và các chế phẩm từ thịt Chương 2 và 16.01, 16.02	Mức thuế cao trong hầu hết các FTA	- 17,4% đối với thịt, chế phẩm từ thịt thuộc Chương 2 - 25,68% đối với các sản phẩm thịt mã HS 1601, 1602





Quy tắc xuất xứ

Quy tắc xuất xứ



Thủy sản	Trái cây – Rau củ	Động vật sống, thịt
Tươi – sơ chế Chương 3 - Đa số: CTC chuyển đổi Chương (HS 2 số), hoặc Nhóm (HS 4 số) - Một số ít: kết hợp CTC chuyển đổi Chương/Nhóm với RVC 40% hoặc 45%	Rau tươi-sơ chế Chương 7: CTC chuyển đổi Chương Quả tươi-sơ chế Chương 8 - Đa số CTC chuyển đổi Chương (HS 2 số) - Một số CTC chuyển đổi Phân nhóm (HS 6 số) - Một số kết hợp CTC chuyển đổi Chương và RVC 45%	Chương 1,2: CTC chuyển đổi Chương (HS 2 số)
Nhóm 16.04 và 16.06 (chế phẩm thủy sản): - Chủ yếu là CTC chuyển đổi Chương - Một số ít (Cá đã được chế biến hoặc bảo quản cách khác): kết hợp CTC chuyển đổi Chương và RVC 40%	Rau quả chế biến: - CTC chuyển đổi Chương, Nhóm, Phân nhóm - CTC kết hợp RVC 40% (một số ít 44, 50%)	Nhóm 16.01, 16.02 (chế phẩm thịt): - Chủ yếu CTC chuyển đổi chương - Một số ít kết hợp CTC và RVC

Cam kết của Việt Nam

- **Từ 1/2019-1/2024:** Duy trì song song (i) Chứng nhận XX theo cách truyền thống; (ii) Nhà xuất khẩu tự chứng nhận XX
- **Từ 1/2024 trở đi:** 02 Khả năng (i) Tiếp tục như trước trong 05 năm nữa, sau đó tự chứng nhận XX hoàn toàn (bởi Nhà XK, NK, SX); (ii) Tự chứng nhận xuất xứ hoàn toàn (bởi Nhà XK, NK, SX)



Thủ tục chứng nhận xuất xứ

Cam kết chung

Tự chứng nhận xuất xứ

Chứng nhận xuất xứ tự phát hành bởi:

- Nhà sản xuất
- Nhà xuất khẩu
- Nhà nhập khẩu

SPS - TBT



Nhắc lại các nghĩa vụ của WTO

Quyền chủ động ban hành SPS, TBT

Minh bạch – tham vấn khi ban hành và thực thi

Có căn cứ khoa học, tham khảo các thông lệ quốc tế

Một số cam kết bổ sung

SPS

- Quy trình áp dụng các biện pháp khẩn cấp
- Quy trình phê duyệt danh sách nhà xuất khẩu đủ điều kiện SPS
- Khuyến khích công nhận tương đương về SPS

TBT

- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp không bắt buộc phải có trụ sở tại nước NK
- Giấy tờ chứng nhận sự phù hợp không bắt buộc phải hợp pháp hóa lãnh sự
- Phụ lục riêng về thực phẩm đóng gói, phụ gia thực phẩm, sản phẩm hữu cơ





Chính sách về môi trường (chung)

- ☐ **Hệ thống pháp luật và chính sách môi trường bảo vệ môi trường ở mức cao, tiếp tục tăng mức bảo vệ môi trường;**
- ☐ **Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ mức độ bảo vệ môi trường hoặc giảm nhẹ hiệu lực của các quy định về môi trường**

Môi trường và đánh bắt thủy sản

Riêng về thủy sản đánh bắt

- ☐ **Có hành động cụ thể để đấu tranh chống lại tình trạng đánh bắt quá mức, bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU);**
- ☐ **Phải tìm cách vận hành hệ thống quản lý nghề cá theo hướng (i) ngăn ngừa đánh bắt quá mức; (ii) giảm đánh bắt ngẫu nhiên các loài không phải mục tiêu và chưa trưởng thành; (iii) thúc đẩy phục hồi các loài đã bị khai thác quá mức;**
- ☐ **Không trợ cấp cho hoạt động đánh bắt góp phần gây ra tình trạng khai thác quá mức và quá năng lực (ví dụ trợ cấp cho tàu cá đã bị liệt vào danh mục IUU...)**

Lao động

Nhóm các nguyên tắc Tuyên bố của ILO năm 1998

- ☐ Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động
- ☐ Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc
- ☐ Cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
- ☐ Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Nhóm các nguyên tắc về “điều kiện lao động chấp nhận được”

Nhóm này bao gồm các cam kết về việc bảo đảm “các điều kiện lao động chấp nhận được” về lương tối thiểu, giờ làm việc, các vấn đề về an toàn lao động và sức khỏe của người lao động

Nhóm các định hướng pháp luật chính sách về lao động

- ☐ Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ thấp tiêu chuẩn lao động
- ☐ Không từ chối thực thi pháp luật lao động làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư trong CPTPP

Chỉ dẫn địa lý

- **Về cơ chế:** có thể lựa chọn bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng hoặc chung với nhãn hiệu thương mại.
- **Về quyền ưu tiên:** Nếu có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước quyền của chủ nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn

Sở hữu trí tuệ



**Độc quyền
dữ liệu với
nông hóa
phẩm**

Người cung cấp thông tin, dữ liệu thử nghiệm khi đăng ký lưu hành một loại nông hóa phẩm giữ độc quyền 10 năm.

Hỏi quan & Tạo thuận lợi thương mại

Nhắc lại các nghĩa vụ trong WTO

Bổ sung thêm một số cam kết mới



Các điểm hỏi đáp để DN trực tiếp liên hệ và hỏi về các quy định và thủ tục hải quan đối với sản phẩm của mình

Nhà xuất khẩu trước khi xuất hàng có thể yêu cầu xác định trước về mã số hàng hóa, thuế quan áp dụng, xuất xứ hàng hóa...



Cho phép giải phóng hàng trên cơ sở một khoản tiền bảo lãnh (để hạn chế các trường hợp chậm trễ giải phóng hàng do cơ quan hải quan chưa đưa ra được quyết định về mức thuế phí phải nộp)

Tác động của CPTPP





CPTPP và những cơ hội...

Cơ hội xuất khẩu từ cam kết cắt giảm thuế quan của các nước CPTPP

CPTPP là thị trường tiềm năng

- ☐ **25,7%** kim ngạch xuất khẩu thủy sản
- ☐ **11%** kim ngạch xuất khẩu trái cây-rau củ
- ☐ **43,3%** kim ngạch xuất khẩu thịt

Cơ hội giảm rào cản phi thuế ở các thị trường CPTPP

**Cơ hội từ môi trường
kinh doanh (VN) được
cải thiện**



**Cơ hội cắt giảm chi phí sản
xuất, cải thiện năng lực
cạnh tranh**

- **Nhập khẩu nguyên liệu,
con giống, các hàng hóa phục
vụ sản xuất khác**
- **Tiếp cận các dịch vụ
phục vụ sản xuất**



**Cơ hội việc làm và thu
nhập cho người lao
động, đặc biệt là lao
động nữ**



**Cơ hội thu hút
đầu tư vào chuỗi sản
xuất (đặc biệt là
ngành chăn nuôi)**



CPTPP và những cơ hội...

CPTPP trước những thách thức...

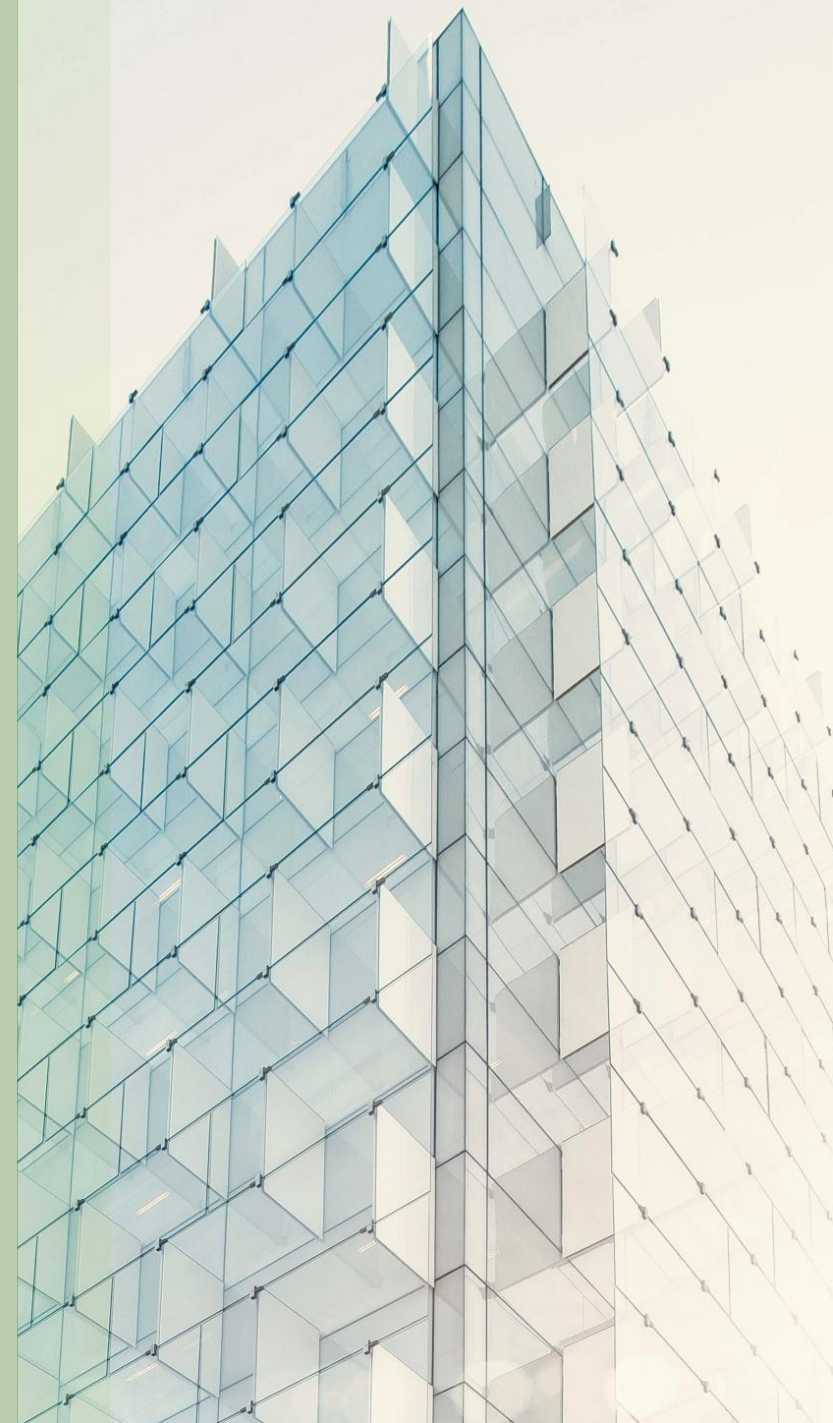
Thách thức hiện thực hóa cơ hội

- ☐ **Đáp ứng quy tắc xuất xứ?**
- ☐ **Visa tiếp cận thị trường (trái cây, rau củ)?**
- ☐ **Vượt qua hàng rào SPS, TBT?**
- ☐ **Tiếp cận hệ thống phân phối, khách hàng?**

Thách thức cạnh tranh ở thị trường CPTPP

Thách thức cạnh tranh ở thị trường nội địa

- ☐ **Về giá**
- ☐ **Về an toàn thực phẩm**



CPTPP trước những thách thức...

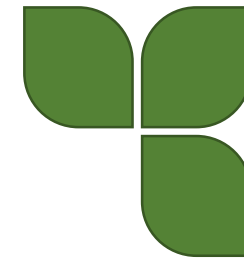
Chi phí tuân thủ tăng

Môi trường

Lao động

Sở hữu trí tuệ





XIN CẢM ƠN !

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn

